CÔNG TY CỔ PHẦN QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: 10A, Ngõ 52, đường Trần Phú – P Quang Trung – TP. Phủ Lý – Tỉnh Hà Nam
VIMCERTS 297 Hotline: 0826.566.366 Website: https://daeco.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Phiếu số: 1737/2024

Khách hàng : **Công ty CP Thương mại Dạ Hợp**
Địa chỉ : Tầng 1, khu TM tòa nhà ở XH Dạ Hợp, đường Lê Thánh Tông, tổ 5, phường Tân Thịnh, TP.Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
Địa điểm lấy mẫu : Cụm CN Tiên Tiến – Xã Quang Tiến, TP.Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Loại mẫu : Nước thải **Mã mẫu:** 03122024.39
Thời gian lấy mẫu : 03/12/2024 **Thời gian thử nghiệm:** 03/12/2024 – 10/12/2024

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A
				NT	
1	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	^{0}C	30,1	**40**
2	Lưu lượng	QT-HT.01	m^3/h	40,3	**-**
3	Độ màu	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	Pt-Co	44,3	**50**
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,98	**6-9**
5	TSS	TCVN 6625:2000	mg/L	16	**50**
6	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	56,2	**75**
7	NH_4^+_N	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,156	**5**
8	As	SMEWW 3113B:2017	mg/L	<0,001	**0,05**
9	Cd	SMEWW 3113B:2017	mg/L	<0,0002	**0,05**
10	Pb	SMEWW 3113B:2017	mg/L	<0,002	**0,1**
11	Hg	SMEWW 3112B:2017	mg/L	<0,0003	**0,005**
12	Cr (VI)	SMEWW 3500Cr.B:2017	mg/L	<0,003	**0,05**
13	Cu	SMEWW 3111B:2017	mg/L	<0,03	**2**
14	Zn	SMEWW 3111B:2017	mg/L	<0,02	**3**
15	Ni	SMEWW 3113B:2017	mg/L	<0,002	**0,2**
16	Mn	SMEWW 3111B:2017	mg/L	<0,02	**0,5**
17	Fe	TCVN 6177:1996	mg/L	0,175	**1**
18	CN^-	SMEWW 4500-CN^- .C&E:2017	mg/L	<0,004	**0,07**
19	Tổng Phenol	SMEWW 5530B&C:2017	mg/L	<0,0012	**0,1**
20	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	1,0	**5**
21	Sunfua (S^{2-})	SMEWW 4500-S^{2-} B&D:2017	mg/L	<0,02	**0,2**
22	Florua (F^-)	SMEWW 4500-F^- B&D:2017	mg/L	1,81	**5**
23	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	mg/L	6,4	**20**
24	Tổng Phospho	TCVN 6202:2008	mg/L	0,121	**4**

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận mẫu.
- Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích được giải quyết trong thời hạn lưu mẫu (07 ngày kể từ ngày nhận mẫu).
- Phiếu kết quả này không có giá trị nếu copy không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Quan trắc và kỹ thuật môi trường.
- Dấu "-": Không quy định. *- Dấu "*": Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.*

25	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	mg/L	210,2	**500**
26	Clo dư	TCVN 6225-3:2011	mg/L	0,09	**1**
27	Cr (III)	SMEWW 3111B:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017	mg/L	<0,003	**0,2**
28	Tổng Coliform	TCVN 8775:2011	VK/100ml	920	**3000**

Ghi chú:

1. Vị trí lấy mẫu:

- **NT**: Mẫu nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.
  Tọa độ: X: 2321860 Y: 438722

2. Quy chuẩn so sánh: - *QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột A: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.*

Hà Nam, ngày 10 tháng 12 năm 2024

TM. PHÒNG PT MÔI TRƯỜNG
TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Dung

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

MSDN: 0700825951 - C.T.C.P * CÔNG TY CP QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG * TP. PHỦ LÝ - T. HÀ NAM

PHÓ GIÁM ĐỐC
LẠI NGỌC QUANG

D A E C O